TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST
Ngày 21-9-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo

2. Bà Huỳnh Thị Bé Tư

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-DS ngày 13-5-2022, về việc tranh chấp về hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-DS ngày 08-8-2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Kiều Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Đ:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp X, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang (văn bản ủy quyền ngày 29-6-2022) (vắng mặt).

2. *Bị đơn*:

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970;

2/ Bà Bùi Thị C, sinh năm 1973;

3/ Chị Nguyễn Thị Diễm D, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: ấp X, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Lê Thị Kiều Đ trình bày chị có tham gia chơi 03 phần hụi của 02 dây hụi do gia đình ông Nguyễn Văn T làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui vào ngày 16-02-2021 (ngày 05-01-2021 âm lịch), mỗi tháng khui một lần, gồm tổng cộng 24 thành viên, chị tham gia 02 phần. Đến ngày 08-12-2021 (ngày 05-11-2021 âm lịch) thì ngưng không khui nữa, chị Đ đã đóng hụi được 10 lần, gia đình ông T thiếu chị số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui vào ngày 06-5-2021 (ngày 25-3-2021 âm lịch), mỗi tháng khui một lần, gồm tổng cộng 19 thành viên, chị tham gia 01 phần. Đến ngày 28-12-2021 (ngày 25-11-2021) thì ngưng không khui nữa, chị Đ đã đóng hụi được 07 lần, gia đình ông T thiếu chị số tiền hụi là 35.000.000 đồng.

Hai dây hụi trên chị Đ chưa hốt, tổng số tiền hụi gia đình ông T thiếu chị là 75.000.000 đồng.

Chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông T gồm: ông T, bà C (vợ ông T), chị D (con ông T) trả lại cho ông chị số tiền 75.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị C, chị Nguyễn Thị Diễm D đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng góp hụi; bị đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị C, chị Nguyễn Thị Diễm D cư trú tại huyện P, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: bà Trần Thị Kim H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị C, chị Nguyễn Thị Diễm D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H, ông T, bà C, chị D.

[3]. Về áp dụng pháp luật nội dung: các hợp đồng góp hụi được giao kết sau ngày Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường để giải quyết vụ án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường để giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[4]. Chị Đ khởi kiện yêu cầu ông T, bà C, chị D trả số tiền hụi ông T, bà C, chị D thiếu là 75.000.000 đồng, chị có cung cấp cho Tòa án Giấy hụi khui ngày 05-01-2021 âm lịch và Giấy hụi khui ngày 25-3-2021 âm lịch, Tòa án đã niêm yết đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho ông T, bà C, chị D nhưng ông T, bà C, chị D không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Hội đồng xét xử xác định ông T, bà C, chị D nợ chị Đ số tiền hụi là 75.000.000 đồng.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Đ được Tòa án chấp nhận, nên ông T, bà C, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 471, Điều 357 của Bộ luật Dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều Đ.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị C, chị Nguyễn Thị Diễm D liên đới trả cho chị Lê Thị Kiều Đ số tiền 75.000.000 đồng (*bảy mươi lăm triệu đồng*).

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị C, chị Nguyễn Thị Diễm D phải chịu 3.750.000 đồng (*ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Lê Thị Kiều Đ 1.875.000 đồng *(một triệu tám tăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003040 ngày 09-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Chị Đ, ông T, bà C, chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự:
+ NĐ: (01);
+ BĐ: (03);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Thanh Liêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA